ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 64 /KH-UBND	*Gia Lai, ngày09 tháng 01 năm 2023*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện Nghị quyết số 24/2021/NQ ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai về giảm nhanh và bền vững tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng đến năm 2025; Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU; Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030; Nghị quyết số 171/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 với những nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Phấn đấu đạt các chỉ tiêu về giảm nghèo năm 2023 góp phần đạt các mục tiêu, chỉ tiêu được giao trong Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 12/4/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 171/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Việc thực hiện Kế hoạch này phải gắn với việc thực hiện Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 21/10/2021 của Tỉnh ủy; Nghị quyết số 171/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo sự thống nhất và đồng bộ trong việc tổ chức thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện giảm nghèo đa chiều bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ

xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; tập trung nguồn lực hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn; phấn đấu hoàn thành các mục tiêu giảm nghèo trong giai đoạn 2022-2025 theo Nghị quyết số 24/2021/NQ ngày 28/7/2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 21/10/2021 của Tỉnh ủy.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025) còn 8,1% vào cuối năm 2023;

- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025) ở mức 2%;

- Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm 3%;

- Tỷ lệ hộ nghèo ở huyện Kông Chro giảm 5,1%/năm;

- Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trong năm 2023 triển khai trên địa bàn tỉnh.

(Kèm theo Bảng tổng hợp chỉ tiêu giảm nghèo năm 2023).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Xây dựng kế hoạch giảm nghèo, tăng cường trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công tác giảm nghèo nhanh và bền vững

1.1. Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh là thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh:

- Trên cơ sở Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững năm 2023 của tỉnh, các sở, ngành có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là huyện) được phân công phụ trách xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững 2023 đúng quy định. Xác định công tác giảm nghèo là một nội dung quan trọng trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành và địa phương.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong công tác giảm nghèo; Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh, nhất là vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số để tuyên truyền, vận động thay đổi nhận thức của hộ nghèo về thực hiện chủ trương thoát nghèo bền vững, giúp cho hộ nghèo nhận thức được trách nhiệm thoát nghèo là trách nhiệm chính của gia đình; Nhà nước và xã hội chỉ hỗ trợ một phần các điều kiện cần thiết để thực hiện kế hoạch thoát nghèo bền vững.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ giảm nghèo của Nhà nước thực hiện trên địa bàn tỉnh; tạo điều kiện cho người dân tham gia tiếp cận đầy

đủ các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, vệ sinh, thông tin).

- Các sở, ban, ngành tích cực phối hợp và tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức các hoạt động giám sát và phản biện xã hội trong công tác giảm nghèo; cùng với các hội, đoàn thể tỉnh tiếp tục phát động các phong trào, cuộc vận động để huy động nguồn lực, sự tham gia hưởng ứng của hội viên, đoàn viên và các tầng lớp Nhân dân trong công tác giảm nghèo bền vững.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương được phân công phụ trách thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023.

1.2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Trên cơ sở các chỉ tiêu giảm nghèo được giao, khẩn trương xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững năm 2023 của địa phương trong quý I năm 2023; giao cụ thể chỉ tiêu giảm nghèo và chỉ tiêu tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho từng xã, phường, thị trấn (xã) làm cơ sở để chỉ đạo, triển khai thực hiện.

- Chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững năm 2023. Trong kế hoạch phải có giải pháp hỗ trợ cụ thể cho từng hộ nghèo vươn lên thoát nghèo; có các giải pháp và phân công các tổ chức, đoàn thể, cán bộ, công chức, cá nhân,... trực tiếp giúp đỡ từng hộ nghèo, hộ cận nghèo khắc phục các nguyên nhân nghèo và hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho từng hộ; có phụ lục danh sách hộ nghèo và giải pháp hỗ trợ kèm theo kế hoạch.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, nhất là người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác giảm nghèo.

- Thực hiện kịp thời, đúng đối tượng các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phục vụ giảm nghèo. Gắn công tác giảm nghèo với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; Khen thưởng, động viên và nhân rộng những mô hình điển hình tiên tiến, gương nỗ lực phấn đấu vươn lên thoát nghèo; Tập trung giải quyết đất sản xuất, đất ở phù hợp, tạo việc làm, bảo đảm các dịch vụ y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường, thông tin và dịch vụ xã hội khác cho người nghèo, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

- Bố trí cán bộ chuyên trách đủ năng lực, hoạt động chuyên nghiệp làm công tác giảm nghèo ở cơ sở, đặc biệt đối với những địa phương có tỷ lệ hộ nghèo cao; Giao nhiệm vụ cho các phòng, đơn vị cấp huyện theo dõi, chỉ đạo công tác giảm nghèo ở các xã, phường, thị trấn; các thôn, làng đặc biệt khó khăn.

- Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp sai phạm liên quan đến việc thực hiện các chính sách, chương trình, đề án giảm nghèo bền vững trên địa bàn.

2. Thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững *(kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025)*

2.1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và địa phương tham mưu cho UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh tổ chức thực hiện Chương trình theo quy định; Phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, xây dựng và ban hành quy định về quản lý và sử dụng kinh phí thực huện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 và cả giai đoạn.

- Chủ trì thực hiện Dự án 1, Dự án 2, Dự án 4, Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 và Dự án 7; trực tiếp quản lý, hướng dẫn và tổ chức thực hiện: Dự án 1, Dự án 2; Dự án 4; Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6; Dự án 7.

- Theo dõi, giám sát, tổng hợp chung kết quả thực hiện Chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh, báo cáo kết quả định kỳ, đột xuất về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND tỉnh theo quy định.

2.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các địa phương tham mưu UBND tỉnh cân đối, phân bổ nguồn vốn đầu tư Chương trình theo quy định của Luật Đầu tư công và quy định hiện hành; Triển khai và hướng dẫn các địa phương, đơn vị thực hiện Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai ban hành quy định Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình MTQG và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh; cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình MTQG.

2.3. Sở Tài chính:

Trên cơ sở kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương, kinh phí ngân sách tỉnh đối ứng vốn sự nghiệp và dự toán của các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng đúng quy định, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 cho các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện; hướng dẫn các sở, ngành, địa phương sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định các nguồn kinh phí thực hiện công tác giảm nghèo bền vững.

2.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì thực hiện Dự án 3; trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Triển khai, hương dẫn các địa phương, đơn vị thực hiện Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát

triển sản xuất thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về nước sạch và triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách, văn bản của các bộ, ngành, UBND tỉnh trong việc xây dựng, duy tu cải tạo cũng như quản lý, vận hành các công trình cấp nước tập trung nông thôn và các công trình cấp nước nhỏ lẻ.

2.5. Sở Y tế:

- Trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, nâng cao chất lượng dinh dưỡng, chú trọng công tác phòng bệnh từ cấp thôn/bản; Quy hoạch, đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế phục vụ khám chữa bệnh cho các bệnh viện và y tế cơ sở tại các xã, huyện có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn để đảm bảo người nghèo, người cận nghèo và người dân đều được tiếp cận với dịch vụ y tế với hiệu quả cao nhất.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền về ý nghĩa, lợi ích của bảo hiểm y tế toàn dân, đảm bảo thường xuyên, liên tục trong năm.

- Báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số và báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế cho UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

2.6. Sở Xây dựng:

- Trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Dự án 5; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về nhà ở. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan vận động nguồn lực từ các doanh nghiệp, các đơn vị lực lượng vũ trang, các tổ chức, cá nhân có lòng hảo tâm đóng góp nguồn lực, hỗ trợ làm nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số để cải thiện nhà ở.

2.7. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì Dự án 6; trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Triển khai, hướng dẫn các địa phương đơn vị thực hiện Nghị quyết số 45/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định nội dung và mức chi kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo về thông tin thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở ngành, địa phương liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững của tỉnh; thông tin về chính sách, các cá nhân, tổ chức, mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả, các cách làm ăn hiệu quả để kịp thời biểu dương, phổ biến, khơi dậy ý chí, nỗ lực vươn lên thoát nghèo của người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổ chức thực hiện tốt việc đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới; tăng cường thời lượng, quan tâm đến chất lượng các chuyên trang, chuyên mục về người nghèo bằng tiếng phổ thông và tiếng dân tộc thiểu số nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền.

2.8. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các địa phương thực hiện một số nội dung của Chương trình nhằm nâng cao tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi, xóa mù chữ.

- Hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về giáo dục và thực hiện một số nhiệm vụ sau:

+ Hướng dẫn, chỉ đạo phòng chuyên môn cấp huyện và các đơn vị liên quan tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo ở các cấp học, bậc học; Chính sách hỗ trợ cho học sinh bán trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; Các chính sách hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật đối với học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Khuyến khích xây dựng và ưu tiên đầu tư để đạt chuẩn cơ sở trường, lớp học ở các xã đặc biệt khó khăn.

- Báo cáo Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ giáo dục trên địa bàn tỉnh để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

2.9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, giám sát việc thực hiện Chương trình tại các sở, ngành và địa phương theo quy định.

2.10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo và bộ máy tham mưu, giúp việc các cấp thống nhất, đồng bộ theo đúng quy định.

- Phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 để triển khait hực hiện.

- Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn, bố trí nguồn vốn đối ứng từ nguồn ngân sách của địa phương và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác thực hiện Chương trình;

- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát.

- Phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cấp và các ban, ngành trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (khi cần thiết) về tình hình triển khai thực hiện Chương trình.

3. Thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo chung góp phần nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

3.1. Bảo hiểm xã hội tỉnh:

- Triển khai tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 48/2022/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2023 - 2025.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn cấp mới, cấp lại và chỉnh sửa thông tin thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình và các đối tượng chính sách khác, bảo đảm chính xác thông tin của đối tượng, nhanh, gọn và thuận tiện nhất cho đối tượng.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, vận động về ý nghĩa, lợi ích của bảo hiểm y tế toàn dân, đảm bảo thường xuyên, liên tục trong năm.

- Báo cáo kết quả thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng khó khăn, hộ sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, hộ có mức sống trung bình làm nông, lâm, ngư nghiệp và số lượt người được khám, chữa bệnh thanh toán bằng bảo hiểm y tế cho UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

3.2. Chính sách về vệ sinh:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành liên quan hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về vệ sinh. Thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ xây dựng các công trình hố xí/nhà tiêu cho đồng bào dân tộc thiểu số, xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo.

3.3. Hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

+ Hướng dẫn, chỉ đạo, phối hợp với UBND cấp huyện, các đơn vị có liên quan nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tư vấn giới thiệu việc làm cho lao động nông thôn, nhất là lao động nghèo, lao động người dân tộc

thiểu số; Ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở trường học, lớp học, thiết bị, đào tạo giáo viên dạy nghề; Gắn dạy nghề với tạo việc làm đối với lao động nghèo.

+ Hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Nâng cao năng lực dự báo và thông tin thị trường lao động, kết nối cung - cầu lao động; Tăng cường các phiên giao dịch việc làm, tạo cơ hội tìm kiếm việc làm cho người lao động.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tăng cường công tác xúc tiến, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư, mở rộng sản xuất, nhất là đầu tư vào các khu vực khó khăn, vùng dân tộc thiểu số để thu hút lao động, tạo việc làm.

- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh: vận động các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân đóng góp nguồn lực cho công tác an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững; Nhận hỗ trợ, giúp đỡ có địa chỉ các hộ nghèo, hộ cận nghèo tại địa phương, ưu tiên các hộ cận nghèo có người có công, có đối tượng bảo trợ xã hội.

3.4. Hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý:

Sở Tư pháp chủ trì hướng dẫn và chỉ đạo triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý và nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật, chú trọng đối tượng là người nghèo, người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Luật Trợ giúp pháp lý; Tổ chức các hoạt động truyền thông về trợ giúp pháp lý bằng các hình thức phù hợp; Tổ chức tập huấn tăng cường năng lực cho người thực hiện trợ giúp pháp lý.

3.5. Hỗ trợ người nghèo thụ hưởng văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan và các địa phương: hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương xây dựng các thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở đạt chuẩn, tạo điều kiện để người dân tham gia hoạt động và hưởng thụ văn hóa; Bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch gắn với phát huy tiềm năng, lợi thế; Từng bước hình thành và phát triển các tour, tuyến du lịch kết nối giữa các vùng miền, gắn kết các điểm du lịch làng nghề, du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh với các tuyến du lịch của tỉnh theo quy hoạch nhằm thu hút du khách trong và ngoài nước, góp phần tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tạo việc làm, thu nhập cho người nghèo.

- Ban Dân tộc: Phối hợp với các sở, ngành, các hội đoàn thể của tỉnh đơn vị liên quan và các huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số hạn chế, xóa bỏ dần các phong tục, tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan; Thực hiện nếp sống văn hóa khu dân cư và duy trì, phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc.

- Các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức triển khai thực hiện Chương trình phối hợp số 3067/CTrPH-UBND-BTTUBMTTQ ngày 09/8/2017 giữa UBND tỉnh và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh về thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng

nông thôn mới, văn minh đô thị và Cuộc vận động *"Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm trong đồng bào dân tộc thiểu số để từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững*".

3.6. Chính sách ưu đãi về tín dụng, vay vốn ngân hàng chính sách xã hội:

Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh bảo đảm đủ nguồn vốn cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng cho vay của các chương trình vay vốn tín dụng ưu đãi đang thực hiện. Phối hợp với các sở, ngành và địa phương xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả, hiệu quả sử dụng nguồn vốn tín dụng ưu đãi của các hộ nghèo; Đề xuất các cá nhân, tổ chức quản lý, sử dụng tốt nguồn vốn vay ưu đãi có hiệu quả, góp phần giúp các hộ thoát nghèo, tạo việc làm mang tính điển hình, cần tuyên truyền, phổ biến và nhân rộng gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông để thực hiện công tác tuyên truyền, khen thưởng.

3.7. Chính sách hỗ trợ tiền điện:

Trên cơ sở kinh phí bổ sung từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định và phân bổ kinh phí cho các địa phương thực hiện hỗ trợ tiền hộ cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định.

3.8. Chính sách trợ giúp đột xuất:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và các tổ chức hội, đoàn thể tỉnh nắm tình hình thiệt hại do thiên tai, lũ lụt hoặc các tai nạn nghiêm trọng kịp thời tham mưu UBND tỉnh các phương án hỗ trợ, cứu trợ đột xuất trong năm 2023.

3.9. Các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi:

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các địa phương triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 kịp thời, đúng theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện tốt các phong trào thi đua giảm nghèo, tăng cường hoạt động đỡ đầu, kết nghĩa giữa các địa phương và các ngành, đoàn thể

- Các địa phương, các đơn vị tích cực triển khai các phong trào thi đua giảm nghèo; tổ chức tôn vinh, khen thưởng những tập thể, cá nhân, doanh nghiệp có nhiều thành tích trong công tác giảm nghèo và những hộ nghèo, hộ cận nghèo điển hình tiêu biểu nỗ lực vươn lên thoát nghèo.

- Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường hoạt động kết nghĩa, kết nối và hỗ trợ, giúp đỡ các xã, các thôn làng có tỷ lệ hộ nghèo cao.

IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Kinh phí

- Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 từ ngân sách Trung ương và một phần được cân đối từ ngân sách địa phương.

- Huy động các nguồn hỗ trợ, giúp đỡ từ các cá nhân, tổ chức; các sở, ngành, đơn vị, các địa phương kết nghĩa và các nguồn lực huy động từ các nguồn lực hợp pháp khác.

2. Nguồn lực khác

- Sự tham gia từ vốn góp, ngày công lao động, vật tư... của các đơn vị lực lượng vũ trang, các đoàn thể, người dân, của cộng đồng.

- Khai thác sử dụng có hiệu quả các tiềm năng thế mạnh từ các nguồn lực tự nhiên và nguồn lực kinh tế - xã hội của địa phương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh:

- Trên cơ sở các chỉ tiêu, nhiệm vụ được phân công trong Quyết định số 728/QĐ-UBND, Nghị quyết số 171/2022/NQ-HĐND và các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, chủ động phối hợp với các địa phương để triển khai thực hiện.

- Tập trung các nguồn lực, ưu tiên đầu tư về nhà ở, nước sạch, nhà vệ sinh, thông tin truyền thông cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo đặc biệt tại địa bàn huyện nghèo và các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới để tăng khả năng tiếp cận với các nhu cầu xã hội cơ bản, giảm tỷ lệ các hộ nghèo, hộ cận nghèo và người dân thiếu hụt, không được tiếp cận.

- Theo chức năng, nhiệm vụ của sở, ngành, đơn vị, trong quá trình xây dựng, thực hiện các đề án, dự án, mô hình phát triển kinh tế - xã hội cần đánh giá, dự kiến mức độ tác động tiêu cực, tích cực, hiệu quả đối với người nghèo, người cận nghèo, người dân tộc thiểu số và đối với các mục tiêu giảm nghèo của địa bàn thực hiện; Lồng ghép các nguồn lực để tạo mọi điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo có việc làm, tăng thu nhập và thoát nghèo bền vững.

- Phát động phong trào thi đua giữa các phòng, ban đơn vị trong cơ quan trong công tác giảm nghèo nói chung, thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tác động đến mục tiêu giảm nghèo nói riêng; Tích cực vận động cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan tích cực tham gia, ủng hộ các đợt phát động ủng hộ người nghèo như *"Quỹ vì người nghèo"*.

- Tham mưu UBND tỉnh đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Nghị quyết số 05-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về giảm nhanh và bền vững tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025; đánh giá kết quả thực hiện Chương trình giảm nghèo năm 2023.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Bám sát các chỉ tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo đã được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 728/QĐ-UBND, Nghị quyết số 171/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch này để xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững của cấp huyện trong năm 2023. Gửi

Kế hoạch giảm nghèo năm 2023 của địa phương về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 15/02/2023 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Giao nhiệm vụ các ban, ngành, đoàn thể và thành viên Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG cấp huyện hỗ trợ UBND cấp xã xây dựng Kế hoạch giảm nghèo cấp xã năm 2023. Giao thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách đơn vị xã tham gia thẩm định Kế hoạch giảm nghèo cấp xã của địa phương được giao phụ trách và đôn đốc, chỉ đạo thực hiện trong năm.

- Triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất, đa dạng hóa sinh kế theo hướng tiếp cận mới, nghiên cứu thực hiện hỗ trợ một phần có điều kiện, bảo toàn một phần nguồn vốn để luân phiên thực hiện cho các đối tượng khác cùng thụ hưởng. Lồng ghép việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo chung và các chính sách giảm nghèo đặc thù với các dự án thuộc các Chương trình MTQG ở các xã, thôn/làng đặc biệt khó khăn và các chương trình, dự án phát triển kinh tế, xã hội.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ người nghèo, cận nghèo: miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền điện, mua thẻ bảo hiểm y tế, trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội... Chú trọng các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao. Quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phục vụ giảm nghèo; Gắn công tác giảm nghèo với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; Giao chỉ tiêu giảm nghèo cụ thể cho từng xã, phường, thị trấn, phân công rõ ràng trách nhiệm cho các phòng, ban chức năng, hội, đoàn thể trong công tác giảm nghèo.

- Mở rộng và tạo điều kiện để tăng cường sự tham gia của người dân từ việc xác định đối tượng thụ hưởng đến việc lập kế hoạch, triển khai, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện bảo đảm tính công khai, minh bạch và trách nhiệm trong suốt quá trình thực hiện chương trình. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình giảm nghèo ở các cấp, phát huy quyền giám sát của người dân ở các vùng hưởng lợi chương trình, dự án.

- Vận động huy động các nguồn lực tự nhiên của địa phương, nguồn lực con người từ cộng đồng, người dân, bằng nhiều hình thức như: ủng hộ ngày công lao động, vốn, kinh nghiệm sản xuất... giúp đỡ người nghèo khắc phục khó khăn vươn lên thoát nghèo; Sử dụng khai thác có hiệu quả tiềm năng thế mạnh của địa phương phục vụ cho công tác giảm nghèo.

- Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Nghị quyết số 05-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về giảm nhanh và bền vững tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025 trên địa bàn; Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình giảm nghèo năm 2023 ở địa phương.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh, các tổ chức xã hội trên địa bàn tỉnh

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp với UBND và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp đẩy mạnh thực hiện Chương trình phối hợp số 3067/CTrPH-UBND-

BTTUBMTTQ ngày 09/7/2017 về việc thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

- Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Lồng ghép thực hiện các phong trào, các cuộc vận động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên phát động, nhất là Cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"*, Cuộc vận động *"Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm trong đồng bào dân tộc thiểu số để từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững"* với thực hiện Phong trào *"Gia Lai chung tay vì người nghèo"*.

- Vận động các tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ các nguồn lực giúp người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên thoát nghèo.

- Đẩy mạnh công tác giám sát, phản biện đối với việc thực hiện các chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo bền vững.

4. Trách nhiệm báo cáo và thời gian báo cáo

Các sở, ban, ngành, đoàn thể và các địa phương báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Kế hoạch này về UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp, định kỳ trước ngày 20/5/2023 (báo cáo 6 tháng) và ngày 30/10/2023 (báo cáo năm).

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có phát sinh, vướng mắc, các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo kịp thời về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để giải quyết theo thẩm quyền, nếu vượt thẩm quyền báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Bộ LĐ-TB&XH *(để b/c);*
- TT. Tỉnh ủy *(để b/c);*
- TT. HĐND tỉnh *(để b/c);*
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các hội, đoàn thể của tỉnh;
- BHXH tỉnh;
- Ngân hàng CSXH tỉnh;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NL, CNXD, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Nguyễn Thị Thanh Lịch

BIỂU TỔNG HỢP CHỈ TIÊU GIẢM NGHÈO NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số 64 /KH-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Đơn vị	Tổng số hộ dân cư cuối năm 2022	Kết quả rà soát cuối năm 2022		Chỉ tiêu phấn đấu giảm nghèo năm 2023
			Hộ nghèo		
		Số hộ	Số hộ	Tỷ lệ (%)	
A	B	*1*	*2*	*3=2/1*	*4*
I	**Tổng cộng toàn tỉnh:**	**383.134**	**38.550**	**10,06**	**2,00**
1	Huyện Kbang	18.180	2.542	13,98	2,69
2	Huyện Đak Đoa	31.476	3.266	10,38	2,00
3	Thị xã Ayun Pa	9.846	252	2,56	1,00
4	Huyện Chư Prông	31.694	4.777	15,07	2,90
5	Huyện Ia Pa	14.083	2.488	17,67	3,10
6	Thành phố Pleiku	62.150	248	0,40	0,08
7	Huyện Kông Chro	12.680	5.033	39,69	5,10
8	Huyện Đak Pơ	11.428	1.002	8,77	1,69
9	Huyện Krông Pa	20.675	3.244	15,69	3,00
10	Thị xã An Khê	17.638	286	1,62	0,31
11	Huyện Phú Thiện	19.706	1.285	6,52	1,26
12	Huyện Chư Pưh	17.778	2.132	11,99	2,31
13	Huyện Mang Yang	17.436	2.847	16,33	3,30
14	Huyện Chư Sê	31.047	2.497	8,04	1,55
15	Huyện Chư Păh	20.599	1.842	8,94	1,72
16	Huyện Ia Grai	27.214	2.389	8,78	1,69
17	Huyện Đức Cơ	19.504	2.420	12,41	2,20